

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa quà tặng
- Dự toán: Mua sắm hàng hóa tặng đoàn viên Công đoàn Công ty TNHH Innovation Tương Lai Việt Nam nhân Tháng hành động vì công nhân năm 2026
- Nguồn vốn: Ngân sách Công đoàn Công ty TNHH Innovation Tương Lai Việt Nam
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Địa điểm dự án: Lô CN-01, Khu công nghiệp Phú Hà, Phường Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Thuế VAT: Giá gói thầu đang xác định thuế VAT theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Chung loại: Hàng hóa có chủng loại rõ ràng, nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất của hàng hóa và các thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa dự thầu. Nhà thầu không được chào hơn một ký mã hiệu/ nhãn hiệu/ hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa yêu cầu; không đề xuất “tương đương” đối với các thông tin về hàng hoá.
- Tiêu chuẩn hàng hóa:
 - + Chất lượng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2026. Hàng hóa phải có tem đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất, nhà phân phối và ghi hạn sử dụng, nguyên vẹn sản phẩm.
 - + Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu cam kết có Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ, bản tự công bố hàng hóa (nếu hàng hoá nhập khẩu) và cung cấp các giấy tờ CO, CQ khi thực hiện hợp đồng.
 - + Nhà thầu cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế.
 - + Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô (nếu có) quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, thay thế:

+ Nhà thầu có thuyết minh, cung cấp hàng hóa để thực hiện công tác kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm.

+ Nhà thầu có thuyết minh hàng hoá thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ thời gian hàng hoá có hiệu lực bảo hành, cam kết sẵn sàng cung cấp 5% hàng hóa dự phòng trên tổng số lượng hàng hóa để thực hiện ngay công tác đổi hàng khi phát hiện các hàng hóa lỗi cần thay thế. Nhà thầu đề xuất thời gian và cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc sửa chữa, thay thế hàng hóa. Đối với các hàng hoá do Nhà thầu sửa chữa và thay thế, thời hạn bảo hành cho các hàng hoá này được tính từ ngày kết thúc việc sửa chữa, thay thế.

- Yêu cầu đóng gói: Nhà thầu có thuyết minh việc in ấn, đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Đóng gói hàng hóa để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyên tải. Nhà thầu chịu trách nhiệm về in ấn bao bì, logo (nếu có) và chịu trách nhiệm về pháp lý bản quyền, chi phí đối với nhà sản xuất hàng hóa.

- Yêu cầu vận chuyển:

+ Nhà thầu có thuyết minh đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, nguyên vẹn bao bì, không trầy xước khi giao hàng.

+ Nhà thầu thuyết minh khả năng tự vận tải hàng hoá hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị vận tải hàng hoá (tài liệu kèm theo).

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

- Các thông số kỹ thuật được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các hàng hoá chính.

- Một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Trường hợp nhà thầu kê khai không đúng so với tài liệu chứng minh của nhà sản xuất, E-HSMT của nhà thầu được đánh giá là Bỏ sót nội dung.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn												
1	Bộ quà tặng	A. Bộ quà tặng gồm: 1. Hộp quà 2. Dầu ăn 3. Bột canh 4. Hạt nêm 5. Nước tương 6. Tương ớt												
		B. Nội dung cụ thể:												
		I. HỘP QUÀ												
		<table><tr><th>Nội dung</th><th>Thông số</th></tr><tr><td>Màu sắc</td><td>Màu sắc theo thiết kế,in trực tiếp thông tin của khách lên bề ngoài của hộp đựng quà</td></tr><tr><td>Chất liệu</td><td>Hộp làm từ chất liệu giấy duplex 230, catton bồi sóng E hệ in màu CYMK, cán mờ bề dán thành phẩm</td></tr><tr><td>Kích thước (dài x rộng x cao)</td><td>250mm*80mm*290mm</td></tr><tr><td>Chất liệu quai hộp</td><td>Nhựa PP (Polypropylene)</td></tr><tr><td>Kích thước quai hộp</td><td>15cm</td></tr></table>	Nội dung	Thông số	Màu sắc	Màu sắc theo thiết kế,in trực tiếp thông tin của khách lên bề ngoài của hộp đựng quà	Chất liệu	Hộp làm từ chất liệu giấy duplex 230, catton bồi sóng E hệ in màu CYMK, cán mờ bề dán thành phẩm	Kích thước (dài x rộng x cao)	250mm*80mm*290mm	Chất liệu quai hộp	Nhựa PP (Polypropylene)	Kích thước quai hộp	15cm
		Nội dung	Thông số											
		Màu sắc	Màu sắc theo thiết kế,in trực tiếp thông tin của khách lên bề ngoài của hộp đựng quà											
		Chất liệu	Hộp làm từ chất liệu giấy duplex 230, catton bồi sóng E hệ in màu CYMK, cán mờ bề dán thành phẩm											
		Kích thước (dài x rộng x cao)	250mm*80mm*290mm											
		Chất liệu quai hộp	Nhựa PP (Polypropylene)											
		Kích thước quai hộp	15cm											
		II. DẦU ĂN												
		1. Thành phần: Dầu đậu nành, dầu gạo lứt, dầu hướng dương, vitamin A palmital												
		2. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm hiện hành.												
		3. Thể tích: 1lít												
		4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: - Quy cách đóng gói: Thể tích thực ở 20°C: 1 lít - Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong chai nhựa PET (bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm).												
5. Thời hạn sử dụng: - Ngày sản xuất: 24 tháng kể từ ngày sản xuất - Hạn sử dụng: + Tối thiểu 30% (Áp dụng với hàng nhập khẩu) + Tối thiểu 50% (Áp dụng với hàng sản xuất trong nước)														

6. Yêu cầu về kỹ thuật:

- *Trạng thái* : Dạng lỏng
- *Màu sắc* : màu vàng sáng đến màu vàng hơi đỏ
- *Mùi* : Không mùi hoặc mùi trung tính, không có mùi ôi khét
- *Vị* : Không vị

7. Các chỉ tiêu lý hóa:

TT	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Trị số a-xít	mg KOH/g dầu	$\leq 0,6$
2	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C	%	$\leq 0,2$
3	Tạp chất không tan	%	$\leq 0,05$
4	Trị số I-ốt (Wijs)	g I-ốt/100g dầu	≥ 100
5	Chất béo toàn phần	%	$\geq 99,5$
6	Trị số Peroxyt	Meq.O2/kg dầu	≤ 10
7	Vitamin A (bổ sung)	IU/100 g	≥ 9200
8	Vitamin E	mg/100 g	≥ 10
9	Omega 3	g/100 g	≥ 3
10	Omega 6	g/100 g	≥ 40
11	Omega 9	g/100 g	≥ 25
12	Gamma Oryzanol	mg/100 g	≥ 300
13	Phytosterol	mg/100 g	≥ 300
14	Cholesterol	g/100 g	0

8. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	0
2	Coliforms	MPN/ml	10
3	Salmonella	CFU/25ml	Không phát hiện
4	S.aureus	CFU/ml	0
5	E.coli	MPN/ml	3
6	TSVSVHK	CFU/ml	1000

9. Hàm lượng kim loại nặng:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Hàm lượng As	mg/kg	0,1
2	Hàm lượng Pb	mg/kg	0,1

10. Hàm lượng độc tố vi nấm

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	5

2	Hàm lượng Aflatoxin B ₁ B ₂ G ₁ G ₂	µg/kg	15
---	--	-------	----

III. BỘT CANH

1. Thành phần: Muối, đường, chất điều vị (621), bột tỏi, bột tiêu, chất điều vị ...

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 9 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hạn sử dụng:

+ Tối thiểu 30% (Áp dụng với hàng nhập khẩu)

+ Tối thiểu 50% (Áp dụng với hàng sản xuất trong nước)

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: OPP/PP hoặc OPP/MCPP hoặc PP,PE đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

- Quy cách đóng gói: 190g

4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm hiện hành.

5. Chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: dạng bột khô, rời, không vón cục.

- Màu sắc: màu trắng ngà xen lẫn màu đen hạt tiêu.

- Mùi vị: vị mặn, ngọt, có mùi vị đặc trưng có sản phẩm, không có mùi vị lạ

6. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Hàm lượng muối ăn (NaCl)	%	70 - 90%
2	Hàm lượng I ốt (tính theo KIO ₃)	mg/kg	20 – 40
2	Năng lượng (Energy)	kcal/100g	50 – 75
3	Carbohydrate	g/100g	8,5 – 14
4	Chất đạm (Protein)	g/100g	2,7 – 4,5
5	Đường tổng số (Total Sugars)	g/100g	6,5 – 11
6	Natri (Sodium)	mg/100g	23520 – 35280

6. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU
-----	--------------	-------------	---------

1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^4$
2	E.Coli	CFU/g	≤ 3
3	Staphylococcus aureus	CFU/g	$\leq 10^2$
4	Salmonella	Phát hiện/25g	Không phát hiện
5	Tổng số TB nấm men - nấm mốc	CFU/g	$\leq 10^2$

7. Hàm lượng kim loại nặng:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Pb	mg/kg	2,0
2	Cd	mg/kg	1,0
3	As	Mg/kg	2,0

IV. HẠT NÊM

1. Thành phần:

Muối I-ốt (45%), chất điều vị Mononatri L-glutamat, đường, bột sắn, bột thịt và bột chiết xuất xương ống & tủy và bột thịt thăn (21 g)**, hương thịt tổng hợp, mỡ, chất ổn định 1442, chất điều vị Dinatri 5'-Ribonucleotid, chất điều vị Dinatri 5'-Inosinat, bột chiết xuất nấm men, hương nước dùng giống tự nhiên, bột lên men từ đậu tương, chất điều vị Glycin, màu thực phẩm tự nhiên (Caramen nguyên chất), chiết xuất trái dành dành. Sản phẩm có chứa trứng, đậu nành, sữa và lúa mì (** trên 1 kg sản phẩm)

2. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm.

3. Trọng lượng: 400g.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 400 g/gói
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong màng phức hợp, chất liệu này phù hợp với “Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm QCVN 12-1:2011/BYT” của Bộ Y Tế.

5. Thời gian

- Ngày sản xuất : 15 tháng trước hạn sử dụng.
- Hạn sử dụng, : tối thiểu 8 tháng.

6. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU
-----	--------------	-------------	---------

1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	7.0×10^1
2	Bacillus cereus	CFU/g	<10
3	Staphylococcus aureus	CFU/g	<10
4	E.coli	CFU/g	<10
5	Salmonella	/25g	Âm tính
6	Tổng số TB nấm men - nấm mốc	CFU/g	<10
7	Enterobacteriaceae	CFU/g	<10

7. Hàm lượng kim loại nặng:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Arsenic (As)	mg/kg	Không phát hiện
2	Chì (Pb)	mg/kg	Không phát hiện
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	Không phát hiện
4	Cadmium (Cd)	mg/kg	Không phát hiện

V. NƯỚC TƯƠNG

1. Thành phần: Nước, muối, khô đậu nành 25 g/L, chất điều vị (621, 635), chất tạo màu (150C) tổng hợp, chất điều chỉnh độ acid (330), chất bảo quản (211), hương liệu giống tự nhiên, chất ổn định, chất tạo ngọt tổng hợp, kali iodat 8 mg/L...

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Ngày sản xuất: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

- Hạn sử dụng:

+ Tối thiểu 30% (Áp dụng với hàng nhập khẩu)

+ Tối thiểu 50% (Áp dụng với hàng sản xuất trong nước)

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong chai nhựa và nắp nhựa, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y tế. Đóng chai với thể tích thực: 500 ml -

4. Các chỉ tiêu cảm quan:

Trạng thái: Thể lỏng, hơi sánh, có thể có cặn mịn ở đáy chai.

Màu: Màu nâu cánh gián đến màu nâu đậm.

Mùi, vị: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm nước tương được chế biến từ khô đậu nành. Vị mặn vừa phải, chua ngọt hài hòa, hậu vị không đắng. Không có mùi, vị lạ.

Trạng thái đặc trưng khác nếu có: Không.

5. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Hàm lượng Nitơ tổng số (total nitrogen)	g/L	$\geq 1,9$
2	Hàm lượng chất đạm (protein)	g/100ml	0,1-4

3	Hàm lượng carbohydrat (carbohydrate)	g/100ml	0,1-2,5
4	Hàm lượng đường tổng (total sugars)	g/100ml	≤0,5
5	Hàm lượng natri (sodium)	Mg/100ml	3255-6045
6	Hàm lượng chất béo (total fat/lipid)	g/100ml	≤0,5
7	Giá trị năng lượng (energy)	Kcal/100ml	6,4 - 12
8	Hàm lượng I-ốt (iodine) (*)	Mg/100ml	≥ 0,32

6. Các chỉ tiêu sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Salmonella	/25ml	Không có
2	Staphylococcus aureus	CFU/ml	10
3	Clostridium perfringens	CFU/ml	10 ²
4	Enterobacteriaceae	CFU/ml	10 ²

7. Hàm lượng kim loại nặng

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU
1	Pb	Mg/L	2
2	As	Mg/L	1
3	Cd	Mg/L	1
4	Hg	Mg/L	0,05

8. Chỉ tiêu ATTP khác

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU
1	3-MCPD	Mg/kg	1

VI. TƯƠNG ỚT

1. Thành phần: Nước, đường, Ớt 91 g/kg, muối, chất ổn định (1422, 415), tỏi, khoai lang, cà chua cô đặc, chất điều chỉnh độ acid (270, 260, 330), dextrose, maltodextrin, chất điều vị (621, 635), tỏi sấy, chất bảo quản (211, 202), chiết xuất ớt 750 mg/kg, ...

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: ngày sản xuất 09 tháng kể từ ngày sản xuất

- Hạn sử dụng:

+ Tối thiểu 30% (Áp dụng với hàng nhập khẩu)

+ Tối thiểu 50% (Áp dụng với hàng sản xuất trong nước)

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong bao bì:

Chai nhựa PET, Nắp nhựa PP loại 250 g			
4. Các chỉ tiêu sinh vật			
TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	E.Coli	MPN/g hoặc	3
	E.Coli	CFU/g	10
3	Coliforms	CFU/g	10 ²
4	Staphylococcus aureus	CFU/g	10 ²
7	Tổng số TB nấm men – nấm mốc	CFU/g	10 ²
8	Salmonella	CFU/25g	Không có
4. Hàm lượng kim loại nặng			
TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Mức tối đa
1	Pb	Mg/kg	2,0
2	Cd	Mg/kg	1,0
3	As	Mg/kg	5,0
4	Hg	Mg/kg	0,05
5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn			
STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Mức tối đa
1	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	5,0
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/kg	10,0
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	30,0

1.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán:

+ Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao toàn bộ hàng hóa, các bên nghiệm thu, xuất hóa đơn, thanh lý hợp đồng theo quy định.

+ Chủ đầu tư sẽ giữ lại tối đa 3% giá trị hợp đồng để thực hiện công tác bảo hành hàng hóa (giữ lại một phần giá trị của hợp đồng hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng), cho đến khi kết thúc thời gian bảo hành của hàng hóa.

- Tài chính: Chi phí dự thầu của nhà thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành tại thời điểm phát hành mời thầu; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giao hàng, thiết kế in ấn (nếu có), dự phòng.

- Bảo hành: Nhà thầu có thuyết minh đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành đối với từng hàng hóa.

- Giao hàng:

+ Tại mỗi điểm nhà thầu giao hàng đến từng xưởng mà Chủ đầu tư chỉ định. Nhân viên giao hàng phải chuẩn bị đủ vật tư an toàn cần thiết như bình cứu hoả, áo bảo hộ có phản quang, đi giày, đeo khẩu trang, đảm bảo không có nồng độ cồn khi tham gia phát quà. Nhân sự tham gia phát quà phải có đầy đủ CCCD, đủ điều kiện an toàn lao động khi ra vào nhà máy khu công nghiệp, đủ sức khỏe và không mắc bệnh truyền nhiễm, giấy giới thiệu của công ty, số điện thoại, họ & tên.

+ Hàng hóa khi đến các đơn vị sử dụng phải được đóng thành phẩm bộ sản phẩm trước khi giao hàng. Khi phát tới tay người lao động về hình thức phải đẹp, ngay ngắn, không bị rách, hỏng.

+ Nhà thầu cam kết kiểm tra lại trước khi giao hàng để hàng hóa không bị thiếu, lỗi, hỏng....

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra, đối chiếu và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Nhà thầu có thuyết minh, cam kết theo các nội dung sau:

- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu 01 mẫu hàng hóa: Nhà thầu nộp đến Chủ đầu tư trong giai đoạn tham dự thầu hoặc nộp bổ sung trong thời gian 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu hoặc được nộp khi Chủ đầu tư có yêu cầu tại thời điểm đánh giá, đối chiếu tài liệu (nếu có văn bản yêu cầu) hoặc nộp đến Chủ đầu tư khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có văn bản yêu cầu). Hàng hóa có thể do Chủ đầu tư hoặc Tổ chuyên gia hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng thực hiện. Địa điểm nộp hàng hóa cho đại diện Tư vấn tại trụ sở Tư vấn đánh giá E-HSMT.

- Thử nghiệm: Căn cứ quy trình thử nghiệm được duyệt, nhà thầu cùng tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện thử nghiệm, các giá trị thu được là một phần của công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp tại nơi bàn giao để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hóa đó do không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Chương V, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Các hàng hóa đáp ứng kiểm tra, thử nghiệm sẽ là một phần của số lượng hàng hóa được bàn giao theo hợp đồng mua bán.

- Kiểm tra, thử nghiệm các nội dung đã hoàn thiện: được thực hiện khi đã cung cấp hoàn chỉnh và được thực hiện tại nơi bàn giao. Nhà thầu chịu tất cả chi

phí có liên quan đến thực hiện thử nghiệm thu, các thử nghiệm phục vụ thử nghiệm thu, vận hành và các công việc có liên quan đến công tác thử nghiệm thu.